**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT QUY HOẠCH NĂM 2017**

Ngày 24/11/2017, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019, dưới đây là những nội dung cơ bản của Luật Quy hoạch năm 2017.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, Việt Nam đã chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và trở thành một nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình của thế giới. Có được kết quả này là một phần đóng góp quan trọng của quy hoạch. Quy hoạch là một trong những công cụ hữu hiệu để giúp các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, điều hành và thực hiện những nhiệm vụ chính trị, cụ thế hoá các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và môi trường. Quy hoạch là căn cứ chủ yếu để các cấp, các ngành định hướng mục tiêu phát triển theo ngành, lãnh thổ và là cơ sở để xây dựng các chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

Tuy nhiên, sau hơn 30 năm đổi mới, công tác quy hoạch chưa theo kịp trước sự đổi mới của đất nước và bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, gây khó khăn trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, làm lãng phí nguồn lực của đất nước, ảnh hưởng tới môi trường sinh thái và cản trở các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân. Những hạn chế, yếu kém đó là:

***Một là,*** quy hoạch được lập quá nhiều nhưng chất lượng quy hoạch thấp, quy hoạch không gắn với nhu cầu sử dụng cũng như nguồn lực thực hiện và thiếu tính khả thi gây lãng phí nguồn lực của đất nước.

Tình trạng lập quy hoạch quá nhiều, nhưng không hiệu quả gây lãng phí nguồn lực đang diễn ra ở tất cả các bộ, ngành, địa phương và ngày càng có xu hướng gia tăng. Từ “quy hoạch” thường xuyên bị lạm dụng, nhiều ngành, lĩnh vực chỉ cần xây dựng các đề án, chương trình phát triển hoặc xây dựng tiêu chí để quản lý và đưa ra những dự báo, định hướng, chính sách phát triển cũng được lập thành quy hoạch gây lãng phí nguồn lực. Nhiều quy hoạch vùng được lập nhưng không rõ đối tượng quản lý, không quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện nên không thể triển khai thực hiện được. Quy hoạch chủ yếu đưa ra các chỉ tiêu phát triển một cách chung chung, thiếu tổ chức không gian phát triển hợp lý, khoa học. Hầu hết các quy hoạch được lập không phù hợp với thực tiễn và không gắn với nguồn lực thực hiện; các dự án ưu tiên đầu tư trong quy hoạch quá lớn, không phù hợp với khả năng huy động nên kết quả thực hiện quy hoạch rất hạn chế.

***Hai là,*** quy hoạch thiếu gắn kết, không thống nhất và còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn làm giảm hiệu lực, hiệu quả của quy hoạch.

Sự thiếu gắn kết giữa các quy hoạch đặc biệt là khi xử lý các vấn đề mang tính liên ngành, liên vùng diễn ra khá phổ biến. Hiện nay, trên cùng một mặt bằng lãnh thổ các quy hoạch không liên kết, khớp nối với nhau. Đồng thời, hệ thống quy hoạch không thống nhất về đối tượng quy hoạch và không tương thích về thời kỳ, phạm vi, trình tự, phương pháp lập quy hoạch, gây khó khăn trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý quy hoạch. Nhiều quy hoạch có sự trùng lặp trên cùng một mặt bằng lãnh thổ (cùng một nội dung và cấp phê duyệt) dẫn đến khó khăn khi tổ chức triển khai thực hiện và làm giảm hiệu lực, hiệu quả của quy hoạch. Mặt khác, một số ngành, lĩnh vực bị chia cắt, phân khúc để lập quy hoạch, dẫn đến tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo khi thực hiện.

***Ba là,*** quy hoạch chưa thể hiện được vị trí, vai trò là công cụ của nhà nước để điều hành phát triển kinh tế - xã hội và sự kết nối giữa chiến lược với kế hoạch dẫn đến sự thiếu gắn kết trong mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp thực hiện.

Nội dung quy hoạch chưa chú trọng tới việc cụ thể hóa mục tiêu, định hướng phát triển của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong tổ chức không gian phát triển kinh tế, xã hội, môi trường nhằm phát huy lợi thế, năng lực cạnh tranh của cả nước, của các vùng lãnh thổ và từng địa phương; từ đó có giải pháp thực hiện bằng các kế hoạch 05 năm, hàng năm. Việc phân định nội dung giữa chiến lược - quy hoạch - kế hoạch chưa được thể hiện rõ trong quy hoạch dẫn đến việc lập và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều chồng chéo, thiếu thống nhất với chiến lược và quy hoạch, nhất là trong đầu tư các dự án quan trọng quốc gia.

***Bốn là,*** phương pháp và nội dung quy hoạch chưa đổi mới cho phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Hiện nay, đa số các nước trên thế giới chuyển sang lập quy hoạch chiến lược, quy hoạch tích hợp đa ngành hay quy hoạch tổng thể là chủ yếu. Trong khi đó, phương pháp và nội dung lập quy hoạch của Việt Nam vẫn được thực hiện theo phương pháp cũ nên không phát huy hiệu quả của quy hoạch, mà ngược lại làm giảm đáng kể năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Mặt khác, quy hoạch không phù hợp với các quy luật, nguyên lý kinh tế thị trường nên không phát huy được hiệu quả, ngược lại còn cản trở thu hút đầu tư và gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội.

***Năm là,*** việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch bị buông lỏng, chưa xử lý kịp thời và thiếu kiên quyết trong chỉ đạo điều hành.

Quy định về công tác tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chưa hợp lý, thiếu đồng bộ và còn mang tính hình thức. Các bộ, ngành, địa phương tự tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt nhưng chưa đảm bảo tính tuân thủ, mối quan hệ hữu cơ giữa các quy hoạch và cơ chế phối hợp chưa tốt giữa các cơ quan quản lý quy hoạch dẫn đến sự thiếu khớp nối, mâu thuẫn và chồng chéo giữa các loại quy hoạch. Đồng thời, nhiều quy hoạch được phê duyệt nhưng không được triển khai thực hiện do thiếu sự chỉ đạo, điều hành kiên quyết của các cấp, các ngành hoặc do thiếu cơ quan trực tiếp quản lý, điều hành. Vì thế, nhiều dự án được xác định “ưu tiên đầu tư” trong quy hoạch bị “treo”, không được triển khai thực hiện hoặc chậm triển khai.

Nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế, yếu kém của công tác quy hoạch:

***Một là,*** tư duy và nhận thức của các cấp, các ngành về quy hoạch còn bất cập. Do ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, nên các cấp, các ngành chưa có sự nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của quy hoạch trong nền kinh tế thị trường, còn mang nặng tư tưởng cục bộ từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến khâu lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch và việc ban hành những chính sách liên quan đến công tác quy hoạch. Tư tưởng chủ nghĩa bình quân, căn bệnh thành tích, tư duy nhiệm kỳ và sự phối hợp kém hiệu quả của các cấp, các ngành đã tác động tiêu cực đến công tác quy hoạch, làm cho quy hoạch thiếu khách quan, không khả thi và bị điều chỉnh tùy tiện.

***Hai là,*** hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch được ban hành quá nhiều, một cách độc lập nên không đồng bộ và thiếu thống nhất, nhất quán với nhau (95 luật, pháp lệnh điều chỉnh về hoạt động quy hoạch, trong đó riêng quy định trực tiếp về quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm đã có 72/95 luật, pháp lệnh). Việc phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch rất phức tạp với nhiều cấp quản lý khác nhau; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch còn rất hạn chế; biện pháp, chế tài xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch còn thiếu và chưa đủ mạnh để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch là những nguyên nhân chính dẫn đến những tồn tại, bất cập của công tác quy hoạch như đã nêu trên.

Chính vì vậy, việc ban hành Luật Quy hoạch là cần thiết và cấp bách để khắc phục những hạn chế, yếu kém của công tác quy hoạch nêu trên; đồng thời, Luật Quy hoạch hướng tới sự cải cách toàn diện về công tác quy hoạch để quy hoạch thực sự là công cụ quan trọng, hữu hiệu giúp Nhà nước kiến tạo sự phát triển. Luật Quy hoạch cũng sẽ là giải pháp quan trọng để đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ Ý NGHĨA CỦA LUẬT**

**1. Về quan điểm**

- Thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch trên cơ sở tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, đồng thời khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động quy hoạch.

- Hệ thống quy hoạch phải tuân thủ nguyên tắc từ cao xuống thấp, từ tổng thể đến chi tiết; quy hoạch địa phương phải tuân thủ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch chi tiết phải dựa trên quy hoạch tổng thể.

- Quy hoạch phải thực sự là công cụ quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giữ vai trò định hướng, dẫn dắt sự phát triển; đảm bảo tính công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư, cũng như việc sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của đất nước.

**2. Về mục tiêu**

- Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước.

- Đổi mới nội dung và phương pháp lập quy hoạch để quy hoạch thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gắn với cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, kinh doanh.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành được thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Tạo cơ chế thẩm định độc lập, tập trung, do một đầu mối chịu trách nhiệm; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch.

**3. Về ý nghĩa**

*- Về thể chế:* Việc ban hành Luật Quy hoạch sẽ là bước cải cách về thể chế tạo ra sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về quy hoạch theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và phù hợp với quy định mới của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 về vai trò quản lý nhà nước về kinh tế.

*- Về quản lý nhà nước:* Với những quy định trong Luật Quy hoạch sẽ góp phần thay đổi phương thức quản lý nhà nước hiện nay theo hướng nhà nước kiến tạo và phục vụ; trong đó nhà nước chỉ quy hoạch những ngành hạ tầng thiết yếu (hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng sản xuất) để kiến tạo sự phát triển trên cơ sở tôn trọng quy luật của kinh tế thị trường; việc phân bổ nguồn lực cũng sẽ theo cơ chế thị trường để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy việc huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển nhằm giảm bớt gánh nặng đầu tư công của khu vực nhà nước, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Luật Quy hoạch sẽ tạo sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương; tăng cường liên kết vùng, phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phát huy hiệu quả trong khai thác và sử dụng nguồn lực của đất nước để thúc đẩy phát triển bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Mặt khác, việc ban hành Luật Quy hoạch sẽ là công cụ giúp quản lý phát triển một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng quản lý chia cắt, cục bộ ngành và tính cát cứ địa phương; giải quyết các vấn đề xung đột lợi ích, xung đột mang tính liên ngành, xung đột giữa các địa phương.

*- Về cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, sản xuất kinh doanh:* Với việc loại bỏ các quy hoạch sản phẩm đang tồn tại hiện nay trong Luật Quy hoạch sẽ loại bỏ những giấy phép trái với quy luật của kinh tế thị trường là bước đột phá về thủ tục hành chính trong đầu tư, sản xuất kinh doanh; đồng thời, việc thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch, Luật Quy hoạch cùng với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp sẽ là giải pháp quan trọng để thúc đẩy quá trình cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh đảm bảo công khai, minh bạch, thông thoáng và hiệu quả.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**A. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật Quy hoạch năm 2017 gồm 06 chương, 59 điều, cụ thể như sau:

**- Chương I. Những quy định chung,** gồm 13 điều (từ Điều 1 đến Điều 13), quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch; hệ thống quy hoạch quốc gia; mối quan hệ giữa các loại quy hoạch; trình tự trong hoạt động quy hoạch; thời kỳ quy hoạch; chi phí cho hoạt động quy hoạch; chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch; hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch.

**- Chương II. Lập quy hoạch**, gồm 02 mục, 15 điều (từ Điều 14 đến Điều 28), cụ thể như sau:

***+ Mục 1.*** *Tổ chức lập quy hoạch,* gồm 06 điều (từ Điều 14 đến Điều 19), quy định về thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch; nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch; tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch; lấy ý kiến về quy hoạch.

***+ Mục 2.*** *Nội dung quy hoạch,* gồm 09 điều (từ Điều 20 đến Điều 28), quy định về căn cứ lập quy hoạch; yêu cầu về nội dung quy hoạch; nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia; nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia; nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia; nội dung quy hoạch ngành quốc gia; nội dung quy hoạch vùng; nội dung quy hoạch tỉnh; nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

**- Chương III. Thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch**, gồm 03 mục, 16 điều (từ Điều 29 đến Điều 44), cụ thể như sau:

***+ Mục 1.*** *Thẩm định quy hoạch,* gồm 05 điều (từ Điều 29 đến Điều 33), quy định về thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch; hội đồng thẩm định quy hoạch; hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; nội dung thẩm định quy hoạch; báo cáo thẩm định quy hoạch.

***+ Mục 2.*** *Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch,* gồm 04 điều (từ Điều 34 đến Điều 37), quy định về thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

***+ Mục 3.*** *Công bố và cung cấp thông tin quy hoạch,* gồm 07 (từ Điều 38 đến Điều 44), quy định về công bố quy hoạch; trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch; hình thức công bố quy hoạch; hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; hình thức cung cấp thông tin quy hoạch; lưu trữ hồ sơ quy hoạch.

**- Chương IV. Thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch**, gồm 03 mục, 10 điều (từ Điều 45 đến Điều 54), cụ thể như sau:

***+ Mục 1.*** *Thực hiện quy hoạch,* gồm 04 điều (từ Điều 45 đến Điều 48), quy định về kế hoạch thực hiện quy hoạch; chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch; nguồn lực thực hiện quy hoạch; báo cáo về hoạt động quy hoạch.

***+ Mục 2.*** *Đánh giá thực hiện quy hoạch,* gồm 02 điều (từ Điều 49 đến Điều 50), quy định về trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch; nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch.

***+ Mục 3.*** *Điều chỉnh quy hoạch,* gồm 04 điều (từ Điều 51 đến Điều 54), quy định về nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch; rà soát quy hoạch; căn cứ điều chỉnh quy hoạch; trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch.

**- Chương V. Quản lý nhà nước về quy hoạch**, gồm 02 điều (từ Điều 55 đến Điều 56), quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**- Chương VI.** **Điều khoản thi hành**, gồm 03 điều (từ Điều 57 đến Điều 59), quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động quy hoạch; hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp.

**B. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Những quy định chung (Chương I)**

***1.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2),*** Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch. Cùng đó, đối tượng áp dụng quy định của Luật này là đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

***1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)***

Luật giải thích 14 lĩnh vực, nội dung của quy hoạch, cụ thể như sau:

+ (1) *Quy hoạch* là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định; (2) *Quy hoạch tổng thể quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; (3) *Quy hoạch không gian biển quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố hợp lý không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; (4) *Quy hoạch sử dụng đất quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân bổ và khoanh vùng đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên cơ sở tiềm năng đất đai; (5) *Quy hoạch ngành quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

+ (6) *Vùng* là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lân cận gắn với một số lưu vực sông hoặc có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử, dân cư, kết cấu hạ tầng và có mối quan hệ tương tác tạo nên sự liên kết bền vững với nhau; (7) *Quy hoạch vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp vùng về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, xây dựng vùng liên tỉnh, kết cấu hạ tầng, nguồn nước lưu vực sông, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các tỉnh; (8) *Quy hoạch tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

+ (9) *Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch.

+ (10) *Tích hợp quy hoạch* là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

+ (11) *Hoạt động quy hoạch* bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch; (12) *Cơ quan lập quy hoạch* là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao trách nhiệm lập quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; (13) *Cơ sở dữ liệu về quy hoạch* là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử; (14) *Sơ đồ, bản đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch.

***1.3. Về nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch (Điều 4),*** Luật quy định cụ thể như sau: (1) Tuân theo quy định của Luật Quy hoạch, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (2) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường; (3) Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; (4) Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới; (5) Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, tính bảo tồn; (6) Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch; (7) Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch; (8) Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.

Điều 4 của Luật Quy hoạch năm 2017 được nghiên cứu, xây dựng sẽ khắc phục được những hạn chế của công tác quy hoạch hiện nay đó là thiếu tính liên kết, đồng bộ, mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với nguồn lực.

***1.4. Về hệ thống quy hoạch quốc gia (Điều 5),*** Luật Quy hoạch năm 2017 trên cơ sở các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng. Luật quy định hệ thống quy hoạch quốc gia vào phạm vi điều chỉnh, đồng thời quy định cụ thể nội dung này tại Điều 5, cụ thể như sau; (1) Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; (2) Quy hoạch vùng; (3) Quy hoạch tỉnh; (4) Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định; (5) Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Việc phân định các vùng phụ thuộc vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng trong từng thời kỳ nhằm kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, vùng hiện nay không phải là một cấp hành chính. Vì vậy, việc không quy định cụ thể các vùng ngay trong Luật để đảm bảo việc phân vùng sẽ phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn phát triển và tính linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, phù hợp với quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý và phát triển kinh tế được quy định tại khoản 1, Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015.

***1.5. Về mối quan hệ giữa các loại quy hoạch,*** Luật quy định quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước. Quy hoạch ngành quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Trường hợp quy hoạch ngành quốc gia có mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia hoặc các quy hoạch ngành quốc gia mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia.

Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch ngành quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tổng thể quốc gia. Trường hợp quy hoạch vùng có mâu thuẫn với nhau, quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cao hơn; trường hợp quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng và quy hoạch cấp quốc gia. Ngoài ra, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh (Điều 6). Cùng với đó Luật quy định trình tự trong hoạt động quy hoạch (Điều 7).

***1.6. Về thời kỳ quy hoạch (Điều 8),*** Luật Quy hoạch năm 2017 quy định đó là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Thời kỳ quy hoạch của các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm. Tầm nhìn của quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh là từ 20 năm đến 30 năm.

Quy hoạch là cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phải phù hợp với chiến lược. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hiện nay đang có thời kỳ là 10 năm. Quy định thời kỳ quy hoạch 10 năm cùng với thời kỳ của Chiến lược để đảm bảo sự thống nhất giữa chiến lược và quy hoạch; tầm nhìn quy hoạch sẽ dài hơn từ 20-50 năm nhằm đảm bảo cho việc xác định tính ổn định, tính kế thừa của quy hoạch, nhất là đối với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật phải có tầm nhìn dài hơn để giảm thiểu tình trạng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thường xuyên, nhiều lần, gây xáo trộn cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch phụ thuộc lớn vào năng lực dự báo. Hiện nay, do sự biến động tình hình phát triển kinh tế - xã hội cả trong nước và quốc tế nên dự báo thường chỉ chính xác cho thời kỳ 10 năm, các dự báo cho thời kỳ dài hơn thường thiếu chính xác.

Bên cạnh đó tại Chương này, Luật Quy hoạch năm 2017 quy định về các nội dung chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch (Điều 10); Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch (Điều 11).

***1.7. Về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch,*** Luật quy định cụ thể như sau: (1) Cơ quan, tổ chức, cộng đồng có quyền tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; cá nhân có quyền tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch; (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn yêu cầu; (3) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; tạo điều kiện cho cá nhân tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch; (4) Ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật (Điều 12).

***1.8. Luật Quy hoạch năm 2017 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch (Điều 13),*** bao gồm: (1) Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; (2) Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ; (3) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật; (4) Cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; (5) Không công bố, công bố chậm, công bố không đầy đủ quy hoạch hoặc từ chối cung cấp thông tin về quy hoạch, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; cố ý công bố sai quy hoạch; cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; (6) Thực hiện không đúng quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt; (7) Can thiệp bất hợp pháp, cản trở hoạt động quy hoạch

**2. Lập quy hoạch (Chương II)**

***2.1. Tổ chức lập quy hoạch (Mục 1)***

- Về thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch (Điều 14) của Luật Quy hoạch năm 2017, quy định cụ thể là Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch vùng; Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.

- Nhiệm vụ lập quy hoạch quy định tại Điều 15 Luật Quy Hoạch năm 2017. Theo đó, nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: (a) Căn cứ lập quy hoạch; (b) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch; (c) Chi phí lập quy hoạch; (d) Thời hạn lập quy hoạch; (đ) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch. Thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch được quy định như sau: (a) Chính phủ tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Luật Quy hoạch năm 2017 quy định cụ thể về quy trình lập quy hoạch cho từng loại quy hoạch, bao gồm: quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia; quy trình lập quy hoạch ngành quốc gia; quy trình lập quy hoạch vùng; quy trình lập quy hoạch tỉnh (Điều 16).

- Về tổ chức tư vấn lập quy hoạch, luật quy định cơ quan lập quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương được phân công phải lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ (Điều 17)*.*

- Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Điều 18).

- Việc lấy ý kiến về quy hoạch gồm các nội dung quy định tại Điều 19 Luật Quy hoạch năm 2017 như sau: (1) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương liên quan và cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân khác có liên quan về quy hoạch, trừ quy hoạch ngành quốc gia thì do cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến. Đối với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, cơ quan lập quy hoạch phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liền kề; (2) Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; (3) Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu Điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; (4) Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp; (5) Chính phủ quy định chi tiết việc lấy ý kiến về từng loại quy hoạch.

***2.2. Nội dung quy hoạch (Mục 2)***

+ Căn cứ lập quy hoạch là chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển; quy hoạch cao hơn và quy hoạch thời kỳ trước (Điều 20).

+ Yêu cầu về nội dung quy hoạch gồm các nội dung sau: (1) Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai; (2) Việc phân bố phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải bảo đảm thống nhất giữa kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái; (3) Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; (4) Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch; (5) Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; (6) Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương; (7) Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch; (8) Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước; (9) Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch (Điều 21).

- Về nội dung của từng loại quy hoạch, Luật quy định nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia (Điều 22); quy hoạch không gian biển quốc gia (Điều 23); quy hoạch sử dụng đất quốc gia (Điều 24); quy hoạch ngành quốc gia (Điều 25).

+ Nội dung quy hoạch vùng xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: (a) Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng; (b) Quan điểm, mục tiêu phát triển vùng; (c) Phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng; (d) Phương hướng xây dựng, bao gồm xác định hệ thống đô thị, nông thôn; khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; vùng sản xuất tập trung; (đ) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng; (e) Phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng; (g) Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện; (h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch (Điều 26).

+ Nội dung quy hoạch tỉnh thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch vùng; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện (Điều 27).

+ Nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng. Việc công bố, công khai quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng (Điều 28).

Việc quy hoạch đô thị và nông thôn là nhằm tổ chức, sắp xếp không gian sống, hoạt động phát triển cho một đô thị, điểm dân cư cụ thể; có những yếu tố, yêu cầu về văn hóa, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn để thiết lập nên không gian phục vụ đời sống. Việc hình thành các đô thị xuất phát từ phát triển kinh tế và nhu cầu khách quan của xã hội, chính vì vậy, việc lập quy hoạch đô thị, nông thôn đã được quy định ở luật riêng.

**3. Thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch (Chương III)**

***3.1. Thẩm định quy hoạch (Mục 1)***

- Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 29 Luật Quy hoạch năm 2017 như sau: Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch tỉnh.

- Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia và tỉnh được quy định cụ thể như sau:

+ Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

+ Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh bao gồm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định.

+ Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Chính phủ (Điều 30).

- Luật Quy hoạch năm 2017 quy định các tài liệu trong hồ sơ trình thẩm định quy hoạch (Điều 31); nội dung thẩm định quy hoạch (Điều 32); báo cáo thẩm định quy hoạch (Điều 33).

***3.2. Quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch (Mục 2)***

- Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đối với quy hoạch Thủ đô, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến của Quốc hội (Điều 34).

- Luật Quy hoạch quy định các tài liệu chủ yếu trong hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch (Điều 35); trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia (Điều 36) và nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch (Điều 37).

***3.3. Công bố và cung cấp thông tin quy hoạch (Mục 3)***

- Công bố quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, toàn bộ nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Quy hoạch được công bố theo hình thức quy định tại Điều 40 của Luật này (Điều 38).

- Trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch các nội dung cơ bản như sau: (1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; (2) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (3) Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức công bố quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập; (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tỉnh (Điều 39).

- Hình thức công bố quy hoạch là phải được đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch. Ngoài việc thực hiện quy định trên, quy hoạch còn được công bố theo các hình thức sau đây: (a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; (b) Trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch; (c) Tổ chức hội nghị, hội thảo; (d) Phát hành ấn phẩm (Điều 40).

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm hồ sơ quy hoạch, các dữ liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên. Đồng thời, trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được quy định như sau: (a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; (b) Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; (c) Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; (d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch (Điều 41).

- Về cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm các nội dung sau: (1) Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia; (4) Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập; (5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh (Điều 42).

- Các hình thức cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Điều 43 Luật Quy hoạch như sau: bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch năm 2017; cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.

- Luật Quy hoạch năm 2017 quy định hồ sơ quy hoạch được lưu trữ bao gồm: (a) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 31 của Luật Quy hoạch;(b) Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 35 của Luật Quy hoạch; (c) Báo cáo thẩm tra quy hoạch đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (d) Văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; (đ) Tài liệu khác (nếu có). Ngoài ra, việc lưu trữ hồ sơ quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ (Điều 44).

**4. Thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch (Chương IV)**

- Việc thực hiện quy hoạch được quy định từ Điều 45 đến Điều 48 Luật Quy hoạch năm 2017, cụ thể như sau:

+ Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: (a) Dự án đầu tư công; (b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công; (c) Kế hoạch sử dụng đất; (d) Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch (Điều 45).

+ Chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch được ban hành phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: (1) Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt; (2) Phát triển nguồn nhân lực; (3) Phát triển khoa học và công nghệ;(4) Bảo đảm an sinh xã hội; (5) Bảo vệ môi trường; (6) Bảo đảm nguồn lực tài chính; (7) Bảo đảm quốc phòng, an ninh (Điều 46).

+ Nguồn lực thực hiện quy hoạch gồm: (1) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch; (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước; (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất và bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh (Điều 47).

+ Báo cáo về hoạt động quy hoạch gồm: (1) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31/12 hằng năm; (2) Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về hoạt động quy hoạch theo định kỳ 05 năm (Điều 48).

- Về đánh giá thực hiện quy hoạch, Luật quy định tại Điều 49 và Điều 50, nội dung cụ thể như sau:

+ Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau: (a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng; (b) Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia; (c) Bộ, cơ quan ngang Bộ đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền; (d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh. Ngoài ra, cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia gửi báo cáo đánh giá đến Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gửi báo cáo đến Thủ tướng Chính phủ (Điều 49).

+ Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch bao gồm: (1) Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước; (2) Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch trong kỳ quy hoạch, kỳ quy hoạch tiếp theo; kiến nghị Điều chỉnh quy hoạch (nếu có) (Điều 50).

- Luật Quy hoạch năm 2017 quy định về điều chỉnh quy hoạch với các nội dung như sau: Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch (Điều 51); Rà soát quy (Điều 52); Căn cứ điều chỉnh quy hoạch (Điều 53); Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch (Điều 54).

**5. Quản lý nhà nước về quy hoạch (Chương V)**

- Về trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch, Luật Quy hoạch quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch; ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đồng thời, Luật quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch; Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính (Điều 55). Việc quy định cụ thể nội dung này sẽ đảm bảo sự đồng bộ và liên kết trong quá trình quản lý nhà nước đối với hoạt động quy hoạch.

- Luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương (Điều 56).

**6. Điều khoản thi hành (Chương VI)**

- Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động quy hoạch (Điều 57), Luật quy định 09 nội dung như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50 của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 như sau: “2. Bộ Thông tin và Truyền thông công bố danh mục và xây dựng chương trình phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm trong từng thời kỳ phù hợp với chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.”.

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 như sau: (a) Bãi bỏ điểm g khoản 3 Điều 19; (b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 128 như sau: “a) Phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt;”.

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y số 79/2015/QH13 như sau: (a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 như sau: “b) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật theo hướng công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi;”; (b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 như sau: “b) Xây dựng quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh và tổ chức thực hiện; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;”; (c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 40 như sau: “3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc lập trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông trên phạm vi cả nước. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại khoản 3 Điều này quyết định thành lập và tổ chức thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật của các trạm kiểm dịch động vật tại đầu mối giao thông trên địa bàn.”; (d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 76 như sau:“b) Chỉ đạo xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung và lập kế hoạch thực hiện việc giết mổ động vật tập trung;”; đ) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 76 như sau: “a) Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung;”.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 58 của Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 như sau: “Điều 58. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia: (1) Việc lập quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm phù hợp với chiến lược dự trữ quốc gia; đồng bộ, phù hợp với nơi sản xuất nguồn hàng, mật độ dân cư; bảo đảm an toàn; (2) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu sau đây: (a) Phù hợp với mục tiêu và yêu cầu dự trữ quốc gia; (b) Bảo đảm tính liên hoàn của hệ thống kho dự trữ quốc gia theo tuyến, vùng lãnh thổ; (c) Bảo đảm phát triển theo hướng hiện đại hóa; (d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; (đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện; (3) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 như sau: “Điều 8. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: (1) Việc lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và cơ cấu vùng, miền; tính đa dạng, đồng bộ của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; (2) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và các nội dung sau đây: (a) Cơ cấu mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy mô đào tạo theo ngành, nghề, trình độ đào tạo, loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (b) Phân bố các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo từng vùng, từng địa phương; (c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; (d) Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; (3) Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, nghề nghiệp quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan; (4) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình và chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Việc tích hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

+ Bổ sung khoản 5 vào Điều 82 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 như sau: “5. Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành được tích hợp vào quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của địa phương được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.

+ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 như sau: (a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau: “a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;”; (b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau: “3. Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia và tích hợp vào quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.”; (c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 14 như sau: “đ) Được phân bổ tài nguyên viễn thông theo quy định về quản lý tài nguyên viễn thông;”; (d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 38 như sau: “3. Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của tổ chức được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông phải phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên viễn thông, kết nối, giá cước, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông.”; (đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 60 như sau: “1. Việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác được thực hiện theo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, bảo đảm yêu cầu về cảnh quan, môi trường, phù hợp với các quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.”.

+ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 như sau: (a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 như sau: “d) Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư; kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên;”; (b) Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau: “Điều 33. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư: (1) Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực và sản phẩm; kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của nền kinh tế; (2) Việc lập, thẩm định và phê duyệt danh mục dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực và sản phẩm; kế hoạch sử dụng đất.”; (c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau: “1. Lập, thẩm định dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng.”.

+ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại Luật Quốc phòng số 39/2005/QH11, Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12, Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13, Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, Luật Nhà ở số 65/2014/QH13, Luật Công an nhân dân số 73/2014/QH13, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13, Luật Du lịch số 09/2017/QH14, Pháp lệnh về Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 Pháp lệnh về Giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số số 08/2008/PL-UBTVQH12 và các văn bản quy phạm pháp luật khác được thay thế bằng quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

- Về hiệu lực thi hành (Điều 58), Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Các quy định của Luật Quy hoạch về lập, thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2018. Chính phủ bảo đảm kinh phí lập, thẩm định quy hoạch quy định tại khoản này theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Về quy định chuyển tiếp (Điều 59)

+ Các quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực được thực hiện như sau: (a) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện đến hết thời kỳ quy hoạch; trường hợp nội dung của quy hoạch đó không phù hợp với quy định của Luật này thì phải Điều chỉnh theo quy định của Luật này; (b) Các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quy định tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp nội dung của quy hoạch đó không phù hợp với quy hoạch cao hơn đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này thì phải điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cao hơn; (c) Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; (d) Các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt hết hiệu lực chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2018.

+ Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được lập, thẩm định trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực mà chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì được thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch.

+ Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ Chính phủ rà soát, ban hành danh mục các quy hoạch quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 59 và tại điểm 39 của Phụ lục 2 trước ngày 31 tháng 12 năm 2018.

+ Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch trong các bộ luật, luật thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 3 của Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác bảo đảm phù hợp với Luật Quy hoạch và có hiệu lực thi hành chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2019. Luật Quy hoạch được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2017.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Luật Quy hoạch năm 2017./.